SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 30/12/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 232 /KH-UBND	*Quảng Trị, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương, vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/06/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương 5 năm, giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện các Chương trình MTQG. UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch của tỉnh là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện hiệu quả các nội dung đề ra tại Kế hoạch.

- Quá trình thực hiện kế hoạch phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết; thường xuyên cập nhật chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả và thống nhất giữa các sở, ngành, địa phương có liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp thông qua việc tập hợp nguồn lực khoa học công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, nâng cao chất lượng đời sống người dân; Thúc đẩy liên kết đa mục tiêu, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, góp phần xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư cho nông thôn mới qua việc ứng dụng các đề tài, dự án, nghiên cứu thử nghiệm, đảm bảo tỷ lệ đạt chuẩn nông thôn mới theo Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Tối thiểu 25% mô hình thực hiện tại các vùng khó khăn, biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đạo chưa đạt chuẩn nông thôn mới;

- Tối thiểu 80% mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp có liên kết theo chuỗi giá trị;

- Tối thiểu 70% mô hình triển khai trong Chương trình được các địa phương tiếp tục triển khai nhân rộng; các giải pháp khoa học, ứng dụng công nghệ đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15%, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

III. NỘI DUNG

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và quảng bá thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới

- Phát hành các sách, tài liệu, ấn phẩm về các quy trình, công nghệ đã chuyển giao; mô hình tổ chức, quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất là sản phẩm của các đề tài/dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, để phổ biến, nhân rộng kết quả của Chương trình;

- Thực hiện các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Hoàn thiện và đề xuất cơ chế chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Đề xuất các cơ chế chính sách xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa và thực hiện các mục tiêu bền vững, xây dựng và ban hành các bộ tiêu chí trên địa bàn tỉnh; cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; cơ sở dữ liệu Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu giải pháp phát huy vai trò của chính quyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp (đặc biệt là cấp cơ sở) trong việc thực hiện Chương trình nông thôn mới; giải pháp phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; giải pháp nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ và người dân về xây

dựng nông thôn mới; giải pháp phát triển và thúc đẩy vai trò của các tổ chức xã hội trong xây dựng nông thôn mới, phát huy bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững kết hợp tăng trưởng xanh.

3. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học công nghệ chỉ đạo điểm của Trung ương, cấp tỉnh, huyện phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 làm cơ sở bố trí, lồng ghép các nguồn lực để tổ chức thực hiện, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, cụ thể:

+ Đối với lĩnh vực trồng trọt: Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu từng vùng, miền. Sử dụng đất lúa linh hoạt, chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản có hiệu quả cao hơn, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Đẩy mạnh áp dụng các mô hình công nghệ sinh học, cơ giới hóa, các quy trình sản xuất tiên tiến để tăng năng suất, sản lượng trên một đơn vị diện tích.

+ Chăn nuôi: Chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, hình thành vùng chăn nuôi trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ; Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp.

+ Thủy sản: Áp dụng đối tượng nuôi trồng thủy sản mới có hiệu quả cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu. Tăng cường kiểm soát dịch bệnh, giảm sử dụng kháng sinh, bảo đảm an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản. Quy hoạch ngư trường, hình thành mô hình khai thác tàu mẹ, tàu con để giảm chi phí tiêu hao năng lượng trong khai thác xa bờ. Điều chỉnh cường độ và cơ cấu khai thác hải sản đảm bảo hiệu quả, bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

+ Lâm nghiệp: Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản theo tiêu chuẩn quản lý. Phục hồi rừng tự nhiên, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa, kinh tế tuần hoàn. Mở rộng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý bền vững; phát huy tối đa dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ và lưu giữ cácbon.

+ Chế biến nông, lâm, thủy sản: Đẩy mạnh phát triển sản phẩm OCOP theo hướng kinh tế tuần hoàn. Phát triển thị trường cho các sản phẩm nông lâm thủy sản sản xuất theo hướng sạch, hữu cơ dưới các hình thức hỗ trợ trực tiếp cho đầu tư và sản xuất, hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ chi phí và thủ tục bảo hộ sở hữu trí tuệ, chi phí và thủ tục cấp chứng nhận, trợ giá sản phẩm, chuyển từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch. Thực hiện truy xuất nguồn gốc nông sản gắn với chỉ dẫn địa lý, xây dựng vùng nguyên liệu. Xây

dựng, tổ chức giới thiệu thương hiệu nông sản Quảng Trị chất lượng cao, an toàn, thân thiện với môi trường gắn với văn hóa ẩm thực miền Trung.

- Nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất và kinh doanh theo chuỗi giá trị;

- Nghiên cứu giải pháp phát triển kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn, thúc đẩy kết nối nông thôn - đô thị, giải pháp thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị và khoảng cách giữa các vùng, miền.

- Nghiên cứu giải pháp xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình làng, xã đáp ứng an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo đảm phát triển nông thôn bền vững. Phát triển các mô hình làng sinh thái, làng thông minh với các dịch vụ nông thôn phù hợp hướng đến phát triển bền vững tạo việc làm và thu nhập tại chỗ.

- Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại nông lâm thủy sản và quản trị nông thôn; tăng cường áp dụng các chứng nhận chất lượng trong sản xuất và thương mại nông sản.

- Các giải pháp ứng dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật trong phát triển hạ tầng nông thôn bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hóa, kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; giải pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cộng đồng.

- Nghiên cứu giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa; chú trọng đến phân loại, thu gom và xử lý rác thải rắn, chất thải nhựa, nước thải sinh hoạt và làng nghề; nước thải cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại và công nghiệp.

- Nghiên cứu các mô hình xã hội hóa, mô hình hợp tác công tư, quản lý khai thác công trình hạ tầng nông thôn và bảo vệ môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình khoa học công nghệ được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách Trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật hiện hành

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình. Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh tham gia các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học công nghệ do Trung ương chủ trì thực hiện.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình trong Kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tham mưu sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương rà soát, đề xuất các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang tổ chức thực hiện trên địa bàn;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

- Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí lồng ghép vào chương trình khoa học công nghệ do Sở chủ trì để thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Tích cực hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và phục vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Thực hiện công tác truyền thông phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ để nhằm nâng cao các chỉ tiêu về nông thôn mới thông minh, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành các hợp tác xã, làng thông minh. Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại và quản trị nông thôn.

4. Sở Tài chính: Hàng năm, căn cứ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp để thực hiện kế hoạch Chương trình.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT, tổng hợp nhu cầu, tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Sở Ngoại vụ: Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, nâng cao năng lực, góp phần thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

7. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Rà soát, nghiên cứu đề xuất thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại địa phương, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh tổng hợp.

- Chủ động bố trí, lồng ghép nguồn vốn ngân sách cấp huyện để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học và công nghệ xây dựng nông thôn mới được thực hiện trên địa bàn quản lý.

8. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để đề xuất các lĩnh vực ứng dụng khoa học công nghệ; trong xây dựng nông thôn mới; phối hợp, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương. Tổ chức tuyên truyền và động viên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ đoàn viên, hội viên, thành viên, người dân, cộng đồng chủ động, tích cực tham gia Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và PTNT **trước ngày 10/12 hằng năm** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Trong quá tình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo phù hợp./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KT$_{Ph.}$

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Sỹ Đồng

LĨNH VỰC ƯU TIÊN ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 3330 /KH-UBND ngày 30 /12/2022 của UBND tỉnh)

TT	Lĩnh vực ứng dụng KHCN
1	Nghiên cứu đề xuất ứng dụng khoa học công nghệ để đề xuất cơ chế chính sách xây dựng nông thôn mới bền vững; cơ chế lồng ghép nguồn vốn; cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; cơ sở dữ liệu chương trình MTQG nông thôn mới
2	Phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ trong sơ chế, chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng an toàn, bền vững nâng cao giá trị nông sản; giải pháp tăng cường các chứng nhận chất lượng trong sản xuất và thương mại nông sản
3	Phát triển các mô hình kinh tế chia sẽ, trang trại, hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị
4	Ứng dụng khoa học công nghệ trong thương mại nông lâm thủy sản và quản trị nông thôn
5	Giải pháp phát triển an ninh nguồn nước, phòng chống thiên tai đảm bảo phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững
6	Giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn gồm xây dựng cảnh quan, thu gom, xử lý rác, nước thải sinh hoạt, làng nghề; nước thải cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại và công nghiệp.
7	Ứng dung khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cho người dân trên các lĩnh vực giáo dục, giải pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cộng đồng.